

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 06 năm 2023

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 04/6/2023

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	21822901308	Lê Thị	Nhận	KC	CH	6.0	4.0	4.0	7.5	5.5	
2	1967020011	Lường Thị	Dung	CN	ĐH	9.5	9.5	3.0	Vắng	Vắng	
3	1967010011	Nguyễn Thị	Hà	CN	ĐH	9.0	8.0	3.0	10.0	7.5	
4	1967020015	Chu Thị	Hằng	CN	ĐH	7.0	9.5	7.0	9.5	8.5	
5	1967010051	Trịnh Xuân	Hiếu	CN	ĐH	9.0	9.5	4.5	10.0	8.5	
6	1967020019	Hoàng Thị	Hoa	CN	ĐH	9.5	10.0	7.5	9.5	9.0	
7	1967010017	Trần Mạnh	Hùng	CN	ĐH	8.0	9.0	4.5	10.0	8.0	
8	1967010018	Bùi Thị	Hương	CN	ĐH	9.0	8.5	5.5	10.0	8.5	
9	1967010053	Thịnh Thị	Hương	CN	ĐH	8.5	10.0	5.0	10.0	8.5	
10	1567010035	Hoàng Thị	Hường	CN	ĐH	8.5	10.0	7.0	9.0	8.5	
11	1967010020	Lê Thị Vân	Khánh	CN	ĐH	9.0	9.5	9.0	9.0	9.0	
12	1967010021	Hoàng	Lan	CN	ĐH	8.5	10.0	9.0	10.0	9.5	
13	1967010057	Nguyễn Thị	Linh	CN	ĐH	8.5	10.0	2.0	Vắng	Vắng	
14	1967010059	Đỗ Huyền	Ly	CN	ĐH	9.0	10.0	6.0	10.0	9.0	
15	1967010023	Tổng Thị Tuyết	Mai	CN	ĐH	8.5	10.0	8.0	9.0	9.0	
16	1967020025	Bùi Thị	Ngọc	CN	ĐH	8.0	9.0	3.5	10.0	7.5	
17	1967020026	Nguyễn Ngọc	Nhất	CN	ĐH	9.5	9.5	6.5	9.5	9.0	
18	1967010026	Trần Yên	Nhi	CN	ĐH	9.5	10.0	4.5	10.0	8.5	
19	1967010062	Nguyễn Thị	Nhung	CN	ĐH	8.5	10.0	8.5	9.5	9.0	
20	1867020036	Hà Thị	Nhung	CN	ĐH	9.0	5.5	3.5	Vắng	Vắng	
21	1967010063	Hoàng Thu	Phương	CN	ĐH	8.5	10.0	4.5	10.0	8.5	
22	1967020033	Lê Thị Như	Quỳnh	CN	ĐH	8.5	10.0	3.0	10.0	8.0	
23	1967020039	Phạm Thị	Thương	CN	ĐH	Vắng	7.5	3.0	Vắng	Vắng	
24	1967020044	Nguyễn Thị	Trang	CN	ĐH	8.5	9.5	5.5	10.0	8.5	
25	1967010068	Phạm Thị	Trang	CN	ĐH	9.0	10.0	9.0	10.0	9.5	
26	1967020041	Lê Đỗ Thu	Trang	CN	ĐH	9.0	10.0	4.5	10.0	8.5	
27	1967010069	Nguyễn Thị	Trang	CN	ĐH	9.0	10.0	7.5	10.0	9.0	
28	1967020047	Vương Thị	Tuyết	CN	ĐH	9.5	9.5	5.0	9.5	8.5	
29	227801D300	Lê Văn Tuấn	Anh	KC	ĐH	7.5	5.0	3.5	5.5	5.5	
30	227801D302	Nguyễn Việt	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
31	227801D303	Hồ Văn	Ánh	KC	ĐH	7.5	3.0	3.0	4.5	4.5	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
32	227801D306	Nguyễn Minh	Cường	KC	ĐH	7.5	4.5	3.0	4.5	5.0	
33	227801D308	Nguyễn Văn	Chiến	KC	ĐH	7.5	3.0	3.5	6.0	5.0	
34	227801D314	Nguyễn Đình	Đàm	KC	ĐH	7.5	5.0	2.5	4.5	5.0	
35	227801D316	Cao Văn	Hải	KC	ĐH	7.5	6.0	2.5	4.5	5.0	
36	227801D317	Ninh Văn	Hải	KC	ĐH	7.5	5.0	2.5	4.5	5.0	
37	227801D319	Nguyễn Thị	Hoa	KC	ĐH	7.5	2.5	1.0	4.5	4.0	
38	227801D322	Ngân Thị	Hương	KC	ĐH	6.5	4.0	2.0	4.5	4.5	
39	227801D323	Vũ Minh	Khôi	KC	ĐH	7.5	3.5	4.5	4.5	5.0	
40	227801D324	Lê Thị Nhật	Linh	KC	ĐH	8.0	2.5	3.0	5.5	5.0	
41	227801D325	Trịnh Văn	Linh	KC	ĐH	6.0	4.0	3.0	5.5	4.5	
42	227801D326	Phạm Thị Hạnh	Linh	KC	ĐH	6.5	3.0	3.0	4.5	4.5	
43	227801D327	Phạm Thị	Linh	KC	ĐH	7.5	2.0	1.5	4.5	4.0	
44	227801D328	Nguyễn Thị Phương	Linh	KC	ĐH	7.5	5.0	3.5	5.0	5.5	
45	227801D330	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	KC	ĐH	7.5	4.0	3.5	5.0	5.0	
46	227801D331	Nguyễn Văn	Minh	KC	ĐH	7.5	3.5	3.5	6.0	5.0	
47	227801D332	Nguyễn Danh	Ngọc	KC	ĐH	7.0	6.5	2.0	5.0	5.0	
48	227801D333	Cao Thị	Oanh	KC	ĐH	6.5	4.0	1.5	4.5	4.0	
49	227801D335	Nguyễn Bá	Phúc	KC	ĐH	7.5	4.0	4.5	5.5	5.5	
50	227801D336	Nguyễn Thị	Sen	KC	ĐH	7.5	3.5	2.5	4.0	4.5	
51	227801D338	Lê Văn	Tài	KC	ĐH	7.5	4.5	3.5	5.0	5.0	
52	227801D342	Lê Thanh	Tú	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
53	227801D345	Nguyễn Phương	Thảo	KC	ĐH	7.0	7.5	4.0	7.0	6.5	
54	227801D346	Cầm Bá	Thịnh	KC	ĐH	7.5	7.0	3.0	5.5	6.0	
55	227801D347	Lê Thị	Thúy	KC	ĐH	7.5	4.0	3.5	5.0	5.0	
56	227801D349	Nguyễn Minh	Đức	KC	ĐH	7.5	3.5	4.0	4.5	5.0	
57	227801D350	Lê Đại	Thắng	KC	ĐH	7.5	3.0	3.0	5.0	4.5	
58	227801D351	Lê Văn	Tý	KC	ĐH	7.5	5.5	1.5	4.0	4.5	
59	227801D352	Hà Thị	Xuân	KC	ĐH	7.0	4.5	2.5	5.0	5.0	
60	227801C302	Nguyễn Đại	Quân	KC	ĐH	7.5	2.5	2.5	4.5	4.5	
61	227801C304	Nguyễn Thị	Út	KC	ĐH	7.5	2.5	3.0	4.5	4.5	
62	227801C305	Lê Thị	Hà	KC	ĐH	7.5	6.5	3.0	4.5	5.5	
63	227801T302	Lưu Thị	Thắm	KC	ĐH	7.0	2.0	1.5	4.5	4.0	
64	227801T303	Lê Văn	Thọ	KC	ĐH	7.0	2.0	3.0	4.5	4.0	
65	217901D502	Nguyễn Thị	Nga	KC	ĐH	4.5	7.0	3.5	7.0	5.5	
66	217901D505	Đỗ Thị	Nhường	KC	ĐH	5.0	3.0	5.5	6.0	5.0	
67	217403D526	Trần Văn	Hoàng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
68	217403D552	Trịnh Thị	Tú	KC	ĐH	4.5	7.0	5.0	4.0	5.0	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
69	217403D516	Mai Thị	Giang	KC	ĐH	4.5	8.5	5.5	4.0	5.5	
70	217403D557	Phạm Công	Thành	KC	ĐH	4.0	4.5	5.0	4.0	4.5	
71	217902C509	Lương Văn	Son	KC	ĐH	2.5	5.5	4.5	5.0	4.5	
72	217902C512	Lê Thị	Thanh	KC	ĐH	3.0	5.0	5.5	5.0	4.5	
73	217902C511	Bùi Ngọc	Tú	KC	ĐH	3.5	6.5	6.0	7.0	6.0	
74	218101D800	Nguyễn Thị	Dung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
75	218101D802	Hoàng Đình	Kiên	KC	ĐH	4.0	4.0	3.5	6.0	4.5	
76	218101D807	Lê Thị	Thiện	KC	ĐH	7.0	6.0	3.5	6.0	5.5	
77	218101D804	Trần Văn	Tôn	KC	ĐH	4.0	2.5	2.5	6.0	4.0	
78	189900V517	Phạm Thị	Xuân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
79	218900T631	Phạm Thị	Xuân	KC	ĐH	5.5	2.0	1.5	4.0	3.5	
80	218900C742	Đỗ Thị Ngọc	Yến	KC	ĐH	5.0	2.5	3.5	3.0	3.5	
81	218900C733	Nguyễn Thị Thanh	Tú	KC	ĐH	6.5	3.0	5.5	5.0	5.0	
82	218103T603	Mai văn	Vương	KC	ĐH	2.5	6.0	5.5	4.0	4.5	
83	217103T505	Ngô Quang	Trường	KC	ĐH	4.0	9.0	4.0	4.0	5.5	
84	217103C515	Nguyễn Văn	Thanh	KC	ĐH	4.0	9.5	5.0	6.0	6.0	
85	217103T506	Nguyễn Đức	Vũ	KC	ĐH	3.5	9.0	5.0	4.0	5.5	
86	218103D800	Lê Như	Cường	KC	ĐH	4.5	9.0	5.0	6.0	6.0	
87	207801T503	Cao Văn	Quang	KC	ĐH	4.5	1.5	3.0	2.0	3.0	
88	217801T501	Nguyễn Sỹ	Dũng	KC	ĐH	4.0	1.5	3.5	2.0	3.0	
89	217801T503	Nguyễn Thế	Hải	KC	ĐH	2.5	4.0	2.5	6.0	4.0	
90	217801T505	Lê Thị Kim	Phụng	KC	ĐH	2.5	2.0	1.0	2.0	2.0	
91	217801D512	Nguyễn Hữu	Huy	KC	ĐH	4.0	3.0	2.0	4.0	3.5	
92	217801D513	Trần Thị	Lan	KC	ĐH	5.0	2.5	3.5	3.5	3.5	
93	217801D530	Lê Thị	Vân	KC	ĐH	5.0	2.0	4.5	4.0	4.0	
94	217801D532	Nguyễn Đăng	Xung	KC	ĐH	3.5	3.5	2.0	4.0	3.5	
95	218801P501	Đình Tiến	Dũng	KC	ĐH	4.0	3.0	4.0	2.0	3.5	
96	218801T802	Cao Thị	Hoài	KC	ĐH	5.0	6.5	3.5	4.0	5.0	
97	218107T602	Hoàng Văn	Quảng	KC	ĐH	3.5	5.0	5.5	6.5	5.0	
98	207801Đ541	Nguyễn Thanh	Tùng	KC	ĐH	5.0	2.5	4.5	7.0	5.0	
99	218107D617	Trịnh Văn	Thế	KC	ĐH	5.0	4.0	Vắng	7.0	Vắng	
100	218101D806	Lê Thị	Tuyệt	KC	ĐH	6.0	4.0	3.5	6.0	5.0	
101	1869080003	Bùi Thị Phương	Anh	KC	ĐH	5.0	4.0	4.5	3.0	4.0	
102	1661030003	Lê Ngọc Đức	Anh	KC	ĐH	3.5	3.0	6.5	3.5	4.0	
103	2069000003	Đình Thị	Bé	KC	ĐH	3.5	3.5	2.5	4.0	3.5	
104	2064010156	Bùi Uyên	Chi	KC	ĐH	4.5	3.5	3.5	4.0	4.0	
105	2061030005	Cao Sơn	Đăng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
106	2069000007	Tăng Thị	Diện	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
107	1968010002	Lê Long	Đức	KC	ĐH	4.5	7.0	5.5	5.5	5.5	
108	2169000240	Đỗ Thị	Dung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
109	2061030008	Trần Khả	Dũng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
110	1962030003	Phạm Ngọc	Dũng	KC	ĐH	1.0	3.0	2.5	Vắng	Vắng	
111	2169000010	Bùi Nhật	Dương	KC	ĐH	0.0	2.5	1.5	Vắng	Vắng	
112	2169000011	Phạm Thị Mỹ	Duyên	KC	ĐH	4.5	5.0	3.5	3.0	4.0	
113	2169000185	Bùi Thị	Duyên	KC	ĐH	1.5	4.5	2.5	Vắng	Vắng	
114	2169000282	Hà Thị Hương	Giang	KC	ĐH	2.0	Vắng	Vắng	3.5	Vắng	
115	2166090003	Lê Thị Thu	Giang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
116	1869080012	Lê Thị	Hân	KC	ĐH	5.5	2.5	3.0	4.5	4.0	
117	2064010115	Hoàng Thị	Hạnh	KC	ĐH	2.0	3.5	2.5	3.5	3.0	
118	2169000131	Lương Thị	Hạnh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
119	2169000247	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
120	2169000248	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
121	2169000017	Lê Thị	Hiền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
122	2169000019	Lê Quỳnh	Hoa	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
123	2169000250	Bùi Thị	Hoa	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
124	1869080013	Nguyễn Thị	Hoài	KC	ĐH	5.0	3.0	3.5	3.5	4.0	
125	2064010165	Nguyễn Thị	Hồng	KC	ĐH	6.5	2.5	2.5	3.0	3.5	
126	2069010051	Lê Thị	Huệ	KC	ĐH	4.5	6.5	5.5	3.0	5.0	
127	1966030004	Vũ Ngọc Vĩnh	Hưng	KC	ĐH	5.0	2.5	3.5	6.0	4.5	
128	2062030002	Nguyễn Sinh	Hùng	KC	ĐH	4.0	3.5	4.5	3.5	4.0	
129	1968010004	Nguyễn Lan	Hương	KC	ĐH	4.0	5.5	4.0	4.5	4.5	
130	2064010117	Phạm Thị Lan	Hương	KC	ĐH	5.5	3.5	1.5	3.5	3.5	
131	2069010054	Hà Thị	Hương	KC	ĐH	6.5	1.5	3.0	4.5	4.0	
132	2069010055	Nguyễn Lý	Hương	KC	ĐH	6.5	7.5	5.5	3.0	5.5	
133	2069010071	Cao Thị	Hương	KC	ĐH	5.5	3.5	1.5	4.0	3.5	
134	2066010023	Trịnh Lê	Huyền	KC	ĐH	6.5	3.5	2.5	7.0	5.0	
135	2066010055	Vì Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	6.0	3.5	3.5	4.5	4.5	
136	2069000180	Bùi Thị	Huyền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
137	2069010064	Phạm Thu	Huyền	KC	ĐH	6.0	3.0	5.0	5.0	5.0	
138	2069010066	Nguyễn Thị	Khánh	KC	ĐH	2.0	3.0	4.5	Vắng	Vắng	
139	1969010024	Phạm Thúy	Kiều	KC	ĐH	5.0	6.5	2.0	6.0	5.0	
140	2069010067	Đỗ Thị	Lan	KC	ĐH	6.0	3.5	3.5	5.0	4.5	
141	2069010068	Hà Diệu	Lan	KC	ĐH	6.0	4.5	2.5	5.0	4.5	
142	2169000201	Phạm Thị	Lê	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
143	2169000257	Trương Thị Quỳnh	Lê	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
144	2064010216	Lê Thị	Lệ	KC	ĐH	1.0	2.0	3.5	3.5	2.5	
145	2069010069	Hà Thị	Liên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
146	1869080014	Lê Tùng	Linh	KC	ĐH	6.0	3.5	2.5	6.0	4.5	
147	2069000026	Vi Thùy	Linh	KC	ĐH	3.5	2.5	2.0	Vắng	Vắng	
148	1563080020	Vi Văn	Lược	KC	ĐH	6.0	6.0	6.5	6.0	6.0	
149	2169070004	Hà Thị	Hồng	KC	ĐH	2.5	3.0	2.5	4.0	3.0	
150	2169070005	Hàn Hoàng	Thái	KC	ĐH	4.0	3.5	1.5	3.0	3.0	
151	2169070012	Lê Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	4.0	4.0	4.0	7.0	5.0	
152	2169070007	Vi Văn	Tùng	KC	ĐH	4.5	4.5	3.0	2.5	3.5	
153	2169080001	Đặng Thị Vân	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
154	2169080003	Vũ Gia	Bảo	KC	ĐH	3.0	5.0	3.0	5.5	4.0	
155	2169080004	Đỗ Thị	Chúc	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
156	2169080007	Lê Thành	Đạt	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
157	2169080006	Phạm Bá	Đạt	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
158	2169080012	Cao Thị	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
159	2169080013	Lê Thị Thảo	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
160	2169080014	Văn Hoài	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	3.0	Vắng	
161	2169080015	Vũ Thị	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	2.0	Vắng	
162	2169080016	Phùng Thị	Mến	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
163	2169080017	Vi Thị	Mùi	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	3.0	Vắng	
164	2169080019	Lương Thị	Ngọc	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
165	2169080018	Nguyễn Trần Vân	Ngọc	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
166	2169080036	Đặng Thị Hồng	Nhung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
167	2169080023	Nguyễn Sỹ	Quý	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
168	2169080034	Nguyễn Văn	Son	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
169	2169080026	Nguyễn Thị	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
170	2169080035	Chu Thị Quỳnh	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
171	2169080033	Lê Như Đức	Trung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
172	2169080030	Dương Văn	Vũ	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
173	2169080031	Phạm Thị Hải	Yến	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
174	2061010060	Nguyễn Tổ	Uyên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
175	2061030024	Phạm Công	Quân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
176	2064010104	Thái Trần Thiên	Ân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	4.5	Vắng	
177	2064010221	Nguyễn Lê Ngọc	Mai	KC	ĐH	6.5	8.5	7.5	6.5	7.5	
178	2064020118	Lê Thị Hạnh	Vũ	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
179	2064020120	Phạm Tiến	Dũng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
180	2069010122	Nguyễn Thị	Phượng	KC	ĐH	6.0	5.0	3.5	3.5	4.5	
181	2069010173	Nguyễn Khánh	Vân	KC	ĐH	0.5	2.5	2.0	4.0	2.5	
182	2069010201	Lê Thị Ánh	Nguyệt	KC	ĐH	5.0	3.5	2.5	4.0	4.0	
183	1964020019	Nguyễn Thành	Minh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
184	2069020007	Nguyễn Thị	Dung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
185	2069020005	Vi Thị	Diệp	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
186	1962030006	Trịnh Văn	Minh	KC	ĐH	0.5	4.0	5.0	4.0	3.5	
187	2069010071	Bùi Thùy	Linh	KC	ĐH	5.5	3.5	1.5	4.0	3.5	
188	2069010085	Nguyễn Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	6.0	5.5	2.5	3.0	4.5	
189	2069000191	Phạm Thị Bích	Loan	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
190	2064010023	Lê Thị Cẩm	Ly	KC	ĐH	4.5	3.0	1.5	3.0	3.0	
191	2069010088	Trương Thị Ngọc	Ly	KC	ĐH	5.5	3.0	3.0	3.0	3.5	
192	2064010124	Nguyễn Phương	Mai	KC	ĐH	1.0	1.0	4.5	6.0	3.0	
193	2069000029	Lê Thị	Mai	KC	ĐH	4.0	3.5	2.5	4.0	3.5	
194	2169000030	Nguyễn Thị Trúc	Mai	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
195	2169000146	Mai Việt	Mạnh	KC	ĐH	6.0	4.5	3.5	4.0	4.5	
196	2069010098	Phạm Thị	Nga	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
197	2069010104	Phạm Thị	Ngọc	KC	ĐH	6.0	3.0	3.5	4.5	4.5	
198	2069010105	Trương Thị	Ngọc	KC	ĐH	3.0	2.5	2.5	3.0	3.0	
199	2166090010	Hồ Ánh	Ngọc	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
200	2166090011	Bùi Thị Thúy	Nguyệt	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
201	2064010128	Lê Thị	Nhân	KC	ĐH	6.0	4.5	3.0	1.0	3.5	
202	2069000034	Lương Thị Quỳnh	Như	KC	ĐH	6.0	4.5	2.5	3.0	4.0	
203	2069010110	Hà Quỳnh	Như	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
204	2064010211	Lê Thị	Nhung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
205	2069000035	Cao Thị	Nhung	KC	ĐH	5.5	3.5	3.0	3.0	4.0	
206	2069010117	Bùi Thị	Nhung	KC	ĐH	7.0	3.0	3.0	2.0	4.0	
207	1968010011	Phạm Thị	Phượng	KC	ĐH	6.0	3.5	8.5	3.5	5.5	
208	2069000038	Phạm Bá	Quân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
209	2069010125	Ngâm Lê	Quyên	KC	ĐH	4.5	2.5	6.5	3.0	4.0	
210	2169000042	Phạm Đỗ	Quyên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
211	1968010014	Trịnh Công	Sơn	KC	ĐH	5.5	4.5	4.5	3.0	4.5	
212	2066010057	Lê Xuân	Sơn	KC	ĐH	Vắng	3.0	2.5	3.0	2.0	
213	2069020023	Nguyễn Đình	Tân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
214	2064010215	Phạm Hải	Thanh	KC	ĐH	5.5	3.5	1.5	3.5	3.5	
215	2169020031	Trịnh Xuân	Thành	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
216	2064020090	Lê Thị	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
217	2069000207	Hồ Thị	Thiện	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
218	2069000045	Vi Văn	Thông	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
219	2069010197	Đặng Huyền	Thương	KC	ĐH	5.5	4.0	3.5	4.0	4.5	
220	2069010202	Đặng Hiền	Thương	KC	ĐH	5.5	5.0	4.5	3.5	4.5	
221	2169000049	Vi Thị	Thủy	KC	ĐH	5.0	3.0	3.0	5.0	4.0	
222	2169000050	Quách Thu	Thủy	KC	ĐH	5.0	3.0	1.5	3.5	3.5	
223	2169000282	Quách Thị	Thủy	KC	ĐH	2.0	Vắng	Vắng	3.5	Vắng	
224	2064010208	Lê Thị	Thuyết	KC	ĐH	5.0	4.0	4.5	5.5	5.0	
225	2069010143	Lương Thị	Tình	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
226	2169000051	Lữ Văn	Tình	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
227	1869080022	Trần Thị Hương	Trà	KC	ĐH	1.0	2.5	5.0	3.0	3.0	
228	2064010142	Văn Thị	Trâm	KC	ĐH	4.5	3.5	1.0	3.5	3.0	
229	2064010095	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
230	2064010097	Phạm Thị	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
231	2069000052	Vũ Đào Khả	Tú	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
232	2069000331	Lê Thị	Tú	KC	ĐH	1.0	2.5	7.5	3.0	3.5	
233	2169000057	Nguyễn Thị Bình	Yên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
234	2064010151	Trương Thị	Yến	KC	ĐH	5.5	2.5	1.5	4.5	3.5	
235	206C680033	Dương Thị Thu	Thủy	KC	CĐ	8.0	7.5	9.5	7.0	8.0	
236	206C680034	Trần Thị Quỳnh	Trâm	KC	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
237	206C680014	Phạm Thị Thanh	Hương	KC	CĐ	8.5	9.5	9.5	7.0	8.5	
238	216C680014	Lò Thị	Lâm	KC	CĐ	3.0	8.5	9.0	5.0	6.5	
239	216C680034	Lương Thị	Tình	KC	CĐ	1.5	9.0	9.0	6.0	6.5	
240	216C680033	Hà Thị	Thủy	KC	CĐ	3.0	9.0	9.0	6.5	7.0	
241	206C680042	Lê Thủy	Dương	KC	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
242	206C680044	Đậu Thị	Linh	KC	CĐ	5.5	9.0	9.0	6.0	7.5	
243	196C680027	Trương Thị	Miên	KC	CĐ	6.0	9.5	9.0	6.0	7.5	

Ghi chú: CN: Đối tượng chuyên ngữ; KC: Đối tượng không chuyên ngữ; CH: Cao học; ĐH: Đại học; CĐ: Cao đẳng;

Danh sách ấn định có 243 sinh viên./

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Hoàng Nam

ỦY VIÊN THU KÝ

Nguyễn Thế Cường

—pls—